

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2025

Về việc “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Tấn Nghị;
2. Ông Lê Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 24/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị V – Sinh năm: 1966;

Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Trương Văn T – Sinh năm: 1963;

Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày:

- Về tình cảm: bà V với ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Phú Khánh (nay là tỉnh Phú Yên) vào ngày 28/12/1984 (Số C). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau cho đến khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm; ông T có người phụ nữ khác và bỏ mặc không quan tâm đến bà V, dẫn đến hay cãi vã; gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng vẫn không thay đổi để hàn gắn. Bà V, ông T đã mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai từ đó đến nay. Nay bà V cảm thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu tòa giải quyết cho ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 04 con chung Trương Minh B, sinh ngày 17/3/1985;

Trương Thị Minh T1, sinh ngày 19/3/1988; Trương Thị Minh T2, sinh ngày 02/3/1990 và Trương Thị Minh T3, sinh ngày 23/7/2008. Các con hiện đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trương Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng cố tình vắng mặt không lý do. Do đó, áp dụng các điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà V, ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Phú Khánh (nay là tỉnh Phú Yên) vào ngày 28/12/1984 (Số C) nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà V, ông T có mâu thuẫn do không hợp tính dẫn đến hay cãi vã. Sự việc kéo dài đến năm 2019, cả hai đã tự sống xa nhau, không ai còn quan tâm đến ai; quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa nhiều lần triệu tập để vận động, hòa giải đoàn tụ nhưng ông T thể hiện sự bỏ mặc, không hợp tác để Tòa vận động, hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà V, ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V: bà Trần Thị V được ly hôn với ông Trương Văn T.

[3] Về con chung: Có 04 con chung Trương Minh B, sinh ngày 17/3/1985; Trương Thị Minh T1, sinh ngày 19/3/1988; Trương Thị Minh T2, sinh ngày 02/3/1990 và Trương Thị Minh T3, sinh ngày 23/7/2008. Các con hiện đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không ai yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị V.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị V được ly hôn với ông Trương Văn T.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0001172 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hoà;
- UBND xã Hòa Thịnh, huyện Tây Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hồng

